**Quy trình 08: Quy trình sản xuất cây hành lá**

(*Allium fistulosum)*

**Phần I. QUY TRÌNH SẢN XUẤT**

**1. Thông tin chung**

1.1. Xuất xứ quy trình

Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

1.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy trình này bao gồm kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý sinh vật gây hại, thu hoạch và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trồng cây hành lá tại Đồng Nai.

1.3. Mục tiêu kinh tế kỹ thuật

Năng suất bình quân: 20 tấn/ha

**2. Nội dung quy trình**

2.1. Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh

- Nhiệt độ, ánh sáng: cây hành lá ưa nhiệt độ mát (20 - 25oC. Bộ rễ ăn nông, khả năng chịu hạn và chịu úng kém. Bộ phận sử dụng gồm cả củ, lá và hoa. Ưa ánh sáng tán xạ, cường độ ánh sáng vừa phải.

- Độ ẩm: ẩm độ thích hợp khoảng 80%. Phát triển tốt ở điều kiện mưa trung bình.

- Đất đai: đất trồng hành lá phải tơi xốp, thoát nước tốt.

2.2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc

a) Chọn giống

Sử dụng các giống hành lá đã được công nhận lưu hành; có nguồn gốc rõ ràng, phù hợp với vùng sinh thái, vụ sản xuất và yêu cầu thị trường; chất lượng giống tốt, đồng đều, sinh trưởng phát triển khỏe, năng suất cao, phẩm chất tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

b) Thiết kế vườn trồng

Chọn đất tơi xốp, thoáng khí, màu mỡ, chủ động tưới tiêu tốt. Đất trồng hành cần được phơi ải. Kỹ thuật lên liếp hành thay đổi tùy chân đất và tập quán canh tác. Lên liếp cao 35 - 45 cm, mùa mưa lên luống cao, mùa nắng lên luống thấp, chân liếp rộng 1 m, khoảng cách giữa hai liếp là 30 cm để thoát nước và đi lại chăm sóc.

c) Bố trí mật độ và khoảng cách trồng

- Hàng cách hàng 20 cm, cây cách cây 20 cm. Mỗi lỗ trồng 01 tép hành. Khoảng cách trồng còn tuỳ thuộc vào mùa vụ. Mùa nắng có thể trồng dày hơn mùa mưa. Rãnh giữa 02 liếp rộng 30 cm.

- Mật độ: 250.000 bụi/ha tương đương với 2,4 tấn cây giống hoặc 20kg hạt giống

d) Thời vụ và kỹ thuật trồng

- Thời vụ: hành lá trồng được quanh năm, nếu chủ động nguồn nước tưới, trồng vào mùa nắng sẽ đạt năng suất cao hơn mùa mưa.

- Kỹ thuật trồng:

- Gieo hạt trực tiếp: Mỗi lỗ 01 hạt, gieo hạt xong cào nhẹ hoặc dùng tay xoa nhẹ đều trên mặt luống cho đất phủ kín hạt (hạt lấp ở độ sâu 1,5 - 2 cm). Dùng trấu, rơm rạ, xơ dừa phủ lên.

- Gieo hạt vào bầu: Chuẩn bị bầu gieo gồm 01 phần đất tơi xốp + 01 phần phân chuồng đã hoai + 01 phần tro trấu + 0,2% lân + 0,2 đến 0,5% vôi bột. Cho hạt giống vào bầu, mỗi bầu 01 hạt. Chăm sóc trong vườn ươm cho đến khi nhú lá thật đầu tiên (10 - 15 ngày) đem ra trồng. Nên trồng vào những ngày có mây râm mát hoặc buổi chiều.

đ) Chăm sóc

- Tưới nước: Khi cây non mới bắt đầu mọc nên tưới nhẹ thường xuyên 01 - 02 lần/ngày và luôn giữ cho cây đủ ẩm để cây con phát triển nhanh. Hành lá cần nhiều nước, do đó phải tưới thường xuyên 01 - 02 lần/ngày cho đủ ẩm. Lượng nước tưới cần gia tăng khi khi cây lớn dần. .

- Bón phân: Tổng lượng phân dùng cho 1 ha: Phân chuồng hoai 15 tấn + 500 kg vôi + 125 kg urê, 280 kg super lân, 80 kg kali.

+ Bón lót: 15 tấn phân chuồng hoai + 280 kg super lân + 50 kg kali

+ Bón thúc: lượng phân còn lại hòa nước, tưới bằng thùng vòi hoa sen. Tưới phân đầu tiên khi hành hồi xanh (khoảng 07 ngày sau trồng), 07 ngày tưới phân 1 lần (khoảng 4 lần/vụ) tùy theo sinh trưởng của hành và tùy theo mùa vụ. Thời gian cách ly là 10 ngày trước khi thu hoạch.

e) Quản lý sinh vật gây hại

- Quản lý sinh vật gây hại dựa trên 6 nguyên tắc Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) gồm: đất khỏe; cây trồng khỏe; đầu tư thông minh; bảo vệ môi trường sinh thái; giám sát và kiểm tra đồng ruộng; nông dân chuyên nghiệp và có trách nhiệm.

- Một số sinh vật gây hại chính: sâu xanh da láng, sâu keo, bọ trĩ; bệnh cháy lá, đốm vòng, thối trắng.

- Biện pháp phòng chống:

+ Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng và tiêu hủy tàn dư thực vật; có hệ thống mương rãnh cấp, thoát nước tốt; chủ động tưới tiêu; sử dụng phân hữu cơ hoai mục, bón phân cân đối; sử dụng giống kháng, giống chống chịu; luân canh, xen canh hợp lý với cây trồng khác họ nhằm hạn chế sự phát sinh, phát triển của sinh vật gây hại.

+ Ngắt ổ trứng, bắt giết sâu non, lá bị sâu bệnh hại nặng đem tiêu hủy... khi mật độ sâu thấp.

+ Sử dụng sản phẩm có nấm đối kháng Trichoderma ủ với phân hữu cơ hoai mục; sử dụng các chế phẩm sinh học; bẫy dính màu vàng, màu xanh để thu hút trưởng thành có cánh như dòi đục lá, rệp...

+ Ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc, có độ độc thấp, thời gian cách ly ngắn, chóng phân hủy và ít ảnh hưởng đến các loài thiên địch có ích trên ruộng.

2.3. Thu hoạch

Tiến hành thu hoạch khi hành đủ tuổi (42 - 45 ngày sau trồng) tùy tình hình sinh trưởng và sâu bệnh. Trường hợp hành xấu có thể lưu thêm vài ngày, nhưng không nên kéo dài quá.

 Loại bỏ những lá già, lá bị bệnh. Rửa bằng nước sạch. Bảo quản nơi thoáng mát, không có ánh nắng mặt trời. Hẹ khi đưa ra thị trường phải đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

# Phần B. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, CÔNG LAO ĐỘNG

# (Quy mô: 1 ha. Khoảng cách trồng (bụi cách bụi): 20 cm x 18 cm, 4 - 5 tép/bụi. Mật độ: 250.000 bụi)

**1. Định mức vật tư nông nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| 1 | Củ hành lá giống | Kg | 2.400 |
| 2 | Urê | Kg | 125 |
| 3 | Super lân | Kg | 280 |
| 4 | Kali (KCl) | Kg | 80 |
| 5 | Phân hữu cơ hoai mục | Kg | 15.000 |
| 6 | Vôi | Kg | 500 |
| 7 | Thuốc BVTV | Kg (lít) | 18 |

**2. Định mức công lao động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| 1 | Công làm đất | Công | 10 |
| 2 | Công bón phân | Công | 15 |
| 3 | Công làm luống | Công | 10 |
| 4 | Công phun thuốc BVTV | Công | 10 |
| 5 | Công làm cỏ | Công | 10 |